

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.641.687.877.444</b>	<b>2.123.106.860.931</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>161.526.898.397</b>	<b>70.696.548.609</b>
1. Tiền	111		38.446.520.063	55.896.548.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		123.080.378.334	14.800.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>228.249.349.953</b>	<b>241.006.224.897</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6.429.155.658	6.434.491.210
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.558.996.300)	(2.820.376.300)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		224.379.190.595	237.392.109.987
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>492.209.300.765</b>	<b>662.850.094.880</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	134.235.921.035	122.149.924.725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	70.737.895.648	67.384.711.278
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	15.098.820.000	144.098.820.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	272.350.141.177	329.430.115.972
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(213.477.095)	(213.477.095)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.693.667.791.656</b>	<b>1.124.858.424.557</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.693.667.791.656	1.124.858.424.557
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>66.034.536.673</b>	<b>23.695.567.988</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	35.761.734.548	1.303.145.832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.929.246.910	19.539.316.054
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.343.555.215	2.853.106.102
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>271.675.180.316</b>	<b>329.665.388.492</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>54.887.913.665</b>	<b>81.882.492.341</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	54.887.913.665	81.882.492.341
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.556.488.824</b>	<b>72.084.601.910</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.10	66.187.296.069	71.577.377.294
- Nguyên giá	222		77.353.388.307	76.901.212.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.166.092.238)	(5.323.835.332)
3. TSCĐ vô hình	227	V.11	369.192.755	507.224.616
- Nguyên giá	228		651.048.000	651.048.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(281.855.245)	(143.823.384)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>68.472.898.708</b>	<b>68.280.886.696</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		68.472.898.708	68.280.886.696
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>7.324.278.393</b>	<b>13.352.222.454</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		7.309.278.393	8.344.222.454
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.000.000	8.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	5.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>74.433.600.726</b>	<b>94.065.185.091</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	74.433.600.726	94.065.185.091
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.913.363.057.760</b>	<b>2.452.772.249.423</b>

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính : VND	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.370.540.557.921</b>	<b>1.959.862.012.115</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.973.939.092.905</b>	<b>1.744.054.043.375</b>
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311	V.13	214.342.598.151	206.178.729.740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.135.798.237.056	776.172.378.562
3. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	313	V.15	646.207.137	8.841.006.093
4. Phải trả người lao động	314		4.513.914.546	6.831.249.855
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	177.794.513.509	172.656.781.607
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.359.878	66.991.812
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	176.427.843.320	278.172.322.207
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	264.123.314.155	294.845.920.846
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		288.105.153	288.662.653
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>396.601.465.016</b>	<b>215.807.968.740</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	50.466.546.500	44.066.546.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	340.855.507.596	171.741.422.240
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.279.410.920	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.19</b>	<b>542.822.499.839</b>	<b>492.910.237.308</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>542.822.499.839</b>	<b>492.910.237.308</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		364.000.000.000	364.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364.000.000.000	364.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.144.781.818	46.144.781.818
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9.481.291.820)	(9.481.291.820)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.293.626.226	1.293.626.226
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		137.149.418.232	90.926.520.264
<i>LNST chưa phân phối lũy kê đến cuối kỳ trước</i>	421a		79.981.785.755	66.758.506.116
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		57.167.632.477	24.168.014.148
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.715.965.383	26.600.820
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.913.363.057.760</b>	<b>2.452.772.249.423</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

CTCP ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THÚY HÀ

NGUYỄN HOÀI GIANG

PHẠM DUY HÙNG



Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Lũy kế quý IV năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI	154.721.190.447	296.337.198.590	490.035.760.616	451.600.095.067
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1	154.721.190.447	296.337.198.590	490.035.760.616	451.600.095.067
4. Giá vốn hàng bán	11	2	110.896.731.151	229.047.091.085	332.256.665.809	341.330.729.941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.824.459.296	67.290.107.505	157.779.094.807	110.269.365.126
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	15.351.295.463	9.830.908.569	34.400.972.013	21.753.137.944
7. Chi phí tài chính	22	4	6.347.888.280	5.071.237.417	14.842.032.236	11.430.780.958
8. Phần lãi hoặc lỗ do công ty liên kết	23		6.347.888.280	4.046.823.572	14.842.032.236	10.266.617.324
9. Chi phí bán hàng	24		(1.034.944.061)	(1.655.777.546)	(1.034.944.061)	(1.655.777.546)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5	13.360.600.470	12.764.027.908	27.835.708.390	18.731.482.912
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26	5	19.267.188.926	18.747.599.726	70.993.373.348	59.698.829.898
[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		19.165.133.022	38.882.373.477	77.474.008.785	40.505.631.756
12. Thu nhập khác	31	6	3.400.523.163	1.909.301.534	12.087.845.428	5.602.143.754
13. Chi phí khác	32	6	1.426.749.285	3.238.247.091	3.847.770.740	5.529.233.465
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.973.773.878	(1.328.945.557)	8.240.074.688	72.910.289
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.138.906.900	37.553.427.920	85.714.083.473	40.578.542.045
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.208.006.330	9.143.223.209	23.259.682.026	16.396.760.683

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.447.699.932		5.279.410.921	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		14.483.200.638	28.410.204.711	57.174.990.526	24.181.781.362
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			14.483.980.669	28.409.513.708	57.167.632.477	24.178.014.148
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			(780.030)	691.003	7.358.049	3.767.214
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7	409	803	1.615	683

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

CTCP ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG  
P. TÔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP



TRẦN THÚY HÀ



PHẠM DUY HÙNG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đến Quý IV năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2020
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>85.714.083.473</b>	<b>40.578.542.045</b>
	- Khấu hao TSCĐ	02	6.024.930.910	4.711.924.847
	- Các khoản dự phòng	03	(261.380.000)	(1.269.310.000)
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.400.972.013)	(20.649.976.578)
	- Chi phí lãi vay	06	15.043.346.270	10.266.617.324
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD</b>	<b>08</b>	<b>72.120.008.640</b>	<b>33.637.797.638</b>
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	60.754.992.822	(126.453.167.838)
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(568.809.367.099,00)	(405.977.056.625)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	290.170.230.972	693.696.126.358
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(14.827.004.351)	(71.728.212.451)
	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		5.350.130
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.682.434.735)	(8.533.846.111)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.819.639.446)	(32.805.656.364)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	219.673.566
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(74.734.050)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(205.093.213.197)</b>	<b>81.986.274.253</b>
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(644.187.693)	(16.015.841.707)
2.	Thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	402.300.000	45.454.545
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(374.910.968.201)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	129.000.000.000	222.405.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.000.000)	(8.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	1.655.777.546
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	34.400.972.013	13.938.282.026
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>168.152.084.320</b>	<b>(152.890.295.791)</b>
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	696.337.762.422	1.162.046.421.254
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(557.946.283.757)	(1.083.553.866.053)

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.620.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	127.771.478.665	78.492.555.201
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	90.830.349.788	7.588.533.663
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	70.696.548.609	63.108.014.946
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>161.526.898.397</b>	<b>70.696.548.609</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

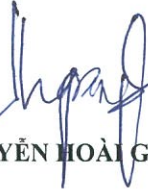
**CTCP ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

NGƯỜI LẬP



TRẦN THÚY HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HOÀI GIANG

PHÒNG GIÁM ĐỐC



PHẠM DUY HÙNG

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn, đầu tư.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng, ngoại trừ các công trình đặc thù của hoạt động kinh doanh bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

##### 5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên	Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	Tầng 9, tòa nhà HCC, 28 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	90,16%	90,16%	90,16%	90,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai	Đường Yên Ninh, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	55%		55%	

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 242 nhân viên đang làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 212 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Phó Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn là chi phí thuê văn phòng và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định khác	7

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản của Tập đoàn được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Trong năm 2020, Tập đoàn phát sinh khoản doanh thu cho thuê đất được hạch toán một lần đối với toàn bộ tiền cho thuê nhận trước.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	426.808.245	438.504.667
Tiền gửi ngân hàng	38.019.711.818	55.458.043.942
Các khoản tương đương tiền	123.080.378.334	14.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	123.080.378.334	14.800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>161.526.898.397</b>	<b>70.696.548.609</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Cổ phiếu	6.243.865.000	(2.558.996.300)	6.243.865.000	(2.820.376.300)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á- Thái Bình Dương	2.987.200.000	(2.557.790.000)	2.987.200.000	(2.819.170.000)
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	2.138.120.000	-	2.138.120.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	701.190.000	-	701.190.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	413.250.000	-	413.250.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.105.000	(1.206.300)	4.105.000	(1.206.300)
Các khoản đầu tư khác	185.290.658	-	190.626.210	-
Ủy thác đầu tư (*)	185.290.658	-	190.626.210	-
<b>Tổng</b>	<b>6.429.155.658</b>	<b>(2.558.996.300)</b>	<b>6.434.491.210</b>	<b>(2.820.376.300)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	2.820.376.300
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	<u>261.380.000</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.558.996.300</u></b>

### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn/dài hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá gốc</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>224.379.190.595</b>	<b>237.392.109.987</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	224.379.190.595	237.392.109.987
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>224.379.190.595</u></b>	<b><u>242.392.109.987</u></b>

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam	7.309.278.393	8.344.222.454
Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ Sơn	15.000.000	8.000.000
Công ty khác		
<b>Cộng</b>	<b>7.324.278.393</b>	<b>8.352.222.454</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>577.500.000</b>	<b>16.195.178.434</b>
Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam	-	15.617.678.434
Ông Phạm Duy Hưng	577.500.000	577.500.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>133.658.421.035</b>	<b>105.954.746.291</b>
Khách hàng mua Bất động sản	133.443.925.060	105.326.029.693
Dự án Royal Park Bắc Ninh	71.000.147.611	69.962.341.696
Dự án Royal Park Huế	22.151.338.001	20.187.716.003
Dự án Đa Hội	5.669.344.063	2.554.664.714
Dự án Bắc Giang	19.152.246.538	-
Dự án Phú Yên	15.470.848.847	12.621.307.280
Các khách hàng khác	214.495.975	628.716.598
<b>Tổng</b>	<b><u>134.235.921.035</u></b>	<b><u>122.149.924.725</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	<b>20.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	-	20.000.000.000
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>70.737.895.648</b>	<b>47.384.711.278</b>
Công ty Cổ phần Mặt dựng CAG	-	5.496.917.780
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons		1.065.992.610
Công ty TNHH Schindler Việt Nam	8.148.000.000	-
Công ty CP XNK và đầu tư xây dựng Toàn Cầu	5.097.276.741	-
Một số đối tượng khác	57.492.618.907	40.821.800.888
<b>Tổng</b>	<b>70.737.895.648</b>	<b>67.384.711.278</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Cho vay các bên liên quan</b>	<b>15.098.820.000</b>	<b>119.098.820.000</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	678.500.000	678.500.000
Công ty Cổ phần BG Group	14.150.000.000	40.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (lãi suất 12%/năm)	-	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Bắc Giang (lãi suất 12%)	270.320.000	270.320.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Holding (lãi suất 12%/năm)	-	33.000.000.000
<b>Cho vay tổ chức khác</b>	-	<b>25.000.000.000</b>
		25.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư AnPha (lãi suất 12%/năm)		
<b>Tổng</b>	<b>15.098.820.000</b>	<b>144.098.820.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>68.113.959.818</b>	-	<b>3.415.062.557</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	12.055.500.000	-	581.917.808	-
Công ty CP Đầu tư Apec Holding- Tiền lãi cho vay	-	-	347.178.082	-
Công ty CP Tập đoàn Apec Group	56.058.459.818	-	2.485.966.667	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>204.236.181.359</b>		<b>326.015.053.415</b>	
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.655.778.582	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phương	-	-	57.075.000.000	-
Công ty CP Đầu tư DPA	634.500.000			
Công ty Cổ phần APEC Thái Nguyên - Chi hệ dự án số 5 Túc Duyên	46.641.473.040		46.641.473.040	
Thuê TNDN tạm nộp 1% của bất động sản	4.502.468.348	-	4.855.477.284	-
- Tạm ứng	115.096.016.839	-	152.489.369.354	-
Dự thu các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn	814.846.031	-	7.240.945.463	-
Ban Quản lý Khu vực PT Đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế	22.408.880.000		22.408.880.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.137.997.101		33.648.129.692	
<b>Dài hạn</b>	<b>54.887.913.665</b>	-	<b>81.882.492.341</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	46.943.289.560	-	73.937.868.236	-
Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ Sơn	7.944.624.105	-	7.944.624.105	-
<b>Tổng</b>	<b>327.238.054.842</b>	-	<b>411.312.608.313</b>	-

#### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	265.269.716	-	66.679.226	-
Chi phí SX KDDD	1.679.228.734.617	-	1.124.791.745.331	-
Hàng hóa	14.173.787.323	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.693.667.791.656</b>	-	<b>1.124.858.424.557</b>	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.761.734.548</b>	<b>1.303.145.832</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	271.632.041
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	35.761.734.548	1.031.513.791
<b>Dài hạn</b>	<b>74.433.600.726</b>	<b>94.065.185.091</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.819.971.607	5.953.756.589
Chi phí bán hàng dự án chưa bàn giao	71.613.629.119	88.111.428.502
Chi phí lợi nhuận cam kết	-	-
<b>Tổng</b>	<b>110.195.335.274</b>	<b>95.368.330.923</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2020	67.017.390.949	2.678.529.180	4.077.224.637	2.086.549.040	1.041.518.820	76.901.212.62
Tăng trong năm	603.778.136	-	193.593.000	(31.116.364)	132.920.909	899.175.68
Tăng do mua sắm	603.778.136	-	193.593.000	101.804.545	-	899.175.68
Phân loại lại	-	-	-	(132.920.909)	132.920.909	-
Giảm trong năm	447.000.000	-	-	-	-	447.000.00
Thanh lý, nhượng bán	447.000.000	-	-	-	-	447.000.00
Số dư tại 31/12/2020	67.174.169.085	2.678.529.180	4.270.817.637	2.055.432.676	1.174.439.729	77.353.388.30
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2020	3.788.966.253	357.228.970	595.897.944	499.416.024	82.326.141	5.323.835.33
Tăng trong năm	4.038.323.960	628.886.324	915.809.491	180.813.324	160.373.807	5.924.206.90
Khấu hao trong năm	4.038.323.960	628.886.324	915.809.491	221.572.810	119.614.321	5.924.206.90
Phân loại lại	-	-	-	(40.759.486)	40.759.486	-
Giảm trong năm	81.950.000	-	-	-	-	81.950.00
Thanh lý, nhượng bán	81.950.000	-	-	-	-	81.950.00
Số dư tại 31/12/2020	7.745.340.213	986.115.294	1.511.707.435	680.229.348	242.699.948	11.166.092.23
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2020	63.228.424.696	2.321.300.210	3.481.326.693	1.587.133.016	959.192.679	71.577.377.29
Tại 31/12/2020	59.428.828.872	1.692.413.886	2.759.110.202	1.375.203.328	931.739.781	66.187.296.06

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm, chi tiết như sau

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	651.048.000	(143.823.384)	507.224.616
Tăng trong năm	-	(138.031.861)	(138.031.861)
Số cuối năm	<b>651.048.000</b>	<b>(281.855.245)</b>	<b>369.192.755</b>

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2020
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>68.280.886.696</b>	-	<b>192.012.012</b>	<b>68.472.898.708</b>
Dự án Trung tâm Thương mại Thái Nguyên	58.700.637.271	-	-	58.700.637.271
Dự án Quản lý Chợ Tam Đa	5.605.810.607	-	-	5.605.810.607
Dự án Trạm Giặt là Bắc Ninh	160.045.600	-	-	160.045.600
Dự án Khu dân cư số 5, phường Túc Duyên, TP Thái Nguyên	637.068.181	-	-	637.068.181
Các dự án khác	3.177.325.037	-	192.012.012	3.369.337.049
<b>Tổng</b>	<b>68.280.886.696</b>	-	<b>192.012.012</b>	<b>68.472.898.708</b>

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>106.221.286.542</b>	<b>143.613.903.207</b>
Công ty CP Đầu tư IDJ Việt Nam	106.221.286.542	143.613.903.207
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>108.150.891.137</b>	<b>62.564.826.533</b>
Công ty TNHH Ái Ân	7.349.409.262	4.929.642.823
Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoàng Phú	2.777.950.593	5.691.081.846
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hòa Bình Xanh	4.548.706.719	9.982.578.255
Công ty TNHH MTV Xây dựng HSC	387.634.475	4.723.239.168
Công ty CP PT ĐT và XD Long Giang 3B	2.119.833.785	6.257.142.643
Công ty CP Tập Đoàn Đầu tư Xây Dựng Ricons	36.693.775.761	-
Công ty Cổ phần Mặt Dựng CAG	5.822.075.538	-
Đối tượng khác	48.451.505.004	30.981.141.798
<b>Tổng</b>	<b>214.372.177.679</b>	<b>206.178.729.740</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước của các khách hàng mua bất động sản	1.135.798.237.056	776.172.378.562
Dự án Apec Aqua Park Bắc Giang	197.990.974.315	116.541.893.357
Dự án Đa Hội	4.310.897.615	9.917.778.254
Dự án Phú Yên Condotel, Shopcentre	472.803.067.002	162.050.782.479
Dự án Phú Yên Shophouse	7.038.830.176	39.963.456.531
Dự án Royal Park Huế	453.654.467.948	446.307.217.941
Đối tượng khác	-	1.391.250.000
<b>Tổng</b>	<b>1.135.798.237.056</b>	<b>776.172.378.562</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****01/01/2020 (VND)****31/12/2020 (VND)**

	<b>Phải thu</b>	<b>Phải Nộp</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Phải Nộp</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.853.106.102	8.841.006.093	72.065.504.712	75.155.190.753	164.192.091	646.207.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	37.991.591.465	37.991.591.465	-	-
Thuế TNDN tạm nộp 1%	2.853.106.102	5.289.537.581	29.418.406.195	31.987.929.505	164.192.091	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.385.098.644	4.446.611.297	6.831.709.941	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	976.680.587	4.242.809.855	4.762.972.586	-	456.517.856
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	189.689.281	404.695.729	404.695.729	-	189.689.281
	-	-	8.001.468	8.001.468	-	-

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>177.794.513.509</b>	<b>172.656.781.607</b>
Trích trước chi phí dự án Phú Yên	26.608.759.932	32.525.427.877
Trích trước chi phí dự án Bắc Giang	96.542.856.608	-
Trích trước chi phí Dự án Trung tâm thương mại Bắc Ninh	42.738.576.171	137.755.285.638
Dự án lãi trái phiếu, lãi vay	9.360.911.535	2.189.408.092
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.543.409.263	186.660.000
<b>Tổng</b>	<b>177.794.513.509</b>	<b>172.656.781.607</b>

### 16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>176.427.843.320</b>	<b>278.172.322.207</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	121.234.245	80.188.504
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	240.904.621	260.833.135
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.584.130.165	25.935.261.094
Nhận tiền cho vay của cá nhân vào Dự án Mandala Phú Yên	23.277.364.492	129.988.934.195
Nhận tiền cho vay của Cty CP BĐS An Phát Land vào dự án Khu đô thị số 5 phường Túc Duyên	52.030.495.298	49.002.703.310
Nhận tiền cho vay của các cá nhân vào Dự án Trung tâm thương mại Thái Nguyên	40.416.263.450	38.256.489.450
Nhận tiền cho vay của các cá nhân vào Dự án Aqua Park Bắc Giang	8.197.945.112	1.037.356.295
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án KCN Đa Hội Bắc Ninh	2.179.680.020	5.912.640.272
Nhận tiền cho vay của các cá nhân vào Dự án Golden Palace Lạng Sơn	300.690.760	6.245.907.950
Kinh phí bảo trì nhà chung cư Royal Park Bắc Ninh	16.798.133.995	16.798.133.995
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.281.001.162	4.653.874.007
<b>Dài hạn</b>	<b>50.466.546.500</b>	<b>44.066.546.500</b>
Công ty Cổ phần BĐS An Phát Land	41.866.546.500	41.866.546.500
Nhận ký cược, ký quỹ dự án	8.600.000.000	2.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>226.894.389.820</b>	<b>322.238.868.707</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	01/01/2020		Phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị				Giá trị	
<b>17. Vay ngắn hạn/dài hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>294.845.920.846</b>	<b>294.845.920.846</b>	<b>467.162.598.448</b>	<b>497.885.205.139</b>	<b>264.123.314.155</b>	<b>264.123.314.155</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên	11.500.990.000	11.500.990.000	-	-	11.500.990.000	11.500.990.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Xuân	67.945.342.225	67.945.342.225	301.082.239.808	302.614.636.352	66.412.945.681	66.412.945.681
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- CN Huế	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	47.311.360.000	47.311.360.000	147.760.355.399	9.962.340.166	185.109.375.233	185.109.375.233
Vay dài hạn đến hạn phải trả	156.088.228.621	156.088.228.621	9.320.003.241	164.308.228.621	1.100.003.241	1.100.003.241
Công ty CP Đầu tư AnPha	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>171.741.422.240</b>	<b>171.741.422.240</b>	<b>229.175.163.974</b>	<b>60.061.078.618</b>	<b>340.855.507.596</b>	<b>340.855.507.596</b>
Ngân hàng TNHH Indovina- CN Đống Đa	33.115.223.080	33.115.223.080	-	-	33.115.223.080	33.115.223.080
Ngân hàng TNHH Indovina- CN Mỹ Đình	29.772.999.160	29.772.999.160	75.401.662.070	3.609.800.000	101.564.861.230	101.564.861.230
Công ty CP Du lịch và KS Mandala	-	-	15.300.000.000	1.000.000.000	14.300.000.000	14.300.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Xuân	29.453.200.000	29.453.200.000	-	-	29.453.200.000	29.453.200.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt nam- CN Hà Nội	-	-	138.253.501.904	38.211.278.618	100.042.223.286	100.042.223.286
Trái phiếu thường dài hạn	79.400.000.000	79.400.000.000	220.000.000	17.240.000.000	62.380.000.000	62.380.000.000
<b>Tổng</b>	<b>466.587.343.086</b>	<b>466.587.343.086</b>	<b>696.337.762.422</b>	<b>557.946.283.757</b>	<b>604.978.821.751</b>	<b>604.978.821.751</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	66.747.242.840	24.096.882	468.728.455.946
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	24.178.014.148	3.767.214	24.181.781.362
Giảm khác	-	-	-	-	1.263.276	(1.263.276)	-
Số dư tại 31/12/2019	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	90.926.520.264	26.600.820	492.910.237.308
Số dư tại 01/01/2020	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	90.926.520.264	26.600.820	492.910.237.308
Tăng vốn	-	-	-	-	-	3.685.608.000	3.685.608.000
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	57.167.632.477	7.358.047	57.174.990.524
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(10.620.000.000)	-	(10.620.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(324.734.509)	(3.601.484)	(328.335.993)
Số dư tại 31/12/2020	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	137.149.418.232	3.715.965.383	542.822.499.839

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 18a. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.400.000	36.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.000.000)	(1.000.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.000.000)	(1.000.000)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến nay</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán BĐS	409.420.529.450	410.195.989.864
Doanh thu cho thuê đất	47.996.947.275	5.560.213.647
Doanh thu kinh doanh khách sạn	24.284.813.369	35.612.397.677
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.333.470.522	231.493.879
<b>Tổng</b>	<b><u>490.035.760.616</u></b>	<b><u>451.600.095.067</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Giá vốn BĐS đã bán	266.062.986.995
Giá vốn cho thuê đất	14.870.338.384	2.694.397.623
Giá vốn kinh doanh khách sạn	43.902.017.533	48.110.868.400
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.421.322.897	1.117.405.528
<b>Tổng</b>	<b><u>332.256.665.809</u></b>	<b><u>341.330.729.941</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	386.447.014	71.106.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.639.524.999	20.578.870.578
Doanh thu tài chính khác	6.375.000.000	1.103.161.366
<b>Tổng</b>	<b>34.400.972.013</b>	<b>21.753.137.944</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay, trái phiếu	15.043.346.270	10.266.617.324
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tôn	(261.380.000)	130.690.000
Chi phí tài chính khác	60.065.966	1.033.473.634
<b>Tổng</b>	<b>14.842.032.236</b>	<b>11.430.780.958</b>

#### 5. Chi phí bán hàng/ Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>27.835.708.390</b>	<b>18.731.482.912</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.835.708.390	18.731.482.912
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>70.993.373.348</b>	<b>59.698.829.898</b>
Chi phí nhân viên quản lý	50.981.716.067	39.469.935.981
Chi phí vật liệu quản lý	1.061.561.938	715.712.961
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.642.643	546.928.824
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.055.362.987	787.158.233
Thuế phí và lệ phí	292.701.096	450.255.101
Chi phí dự phòng	-	(1.400.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.930.950.081	9.555.902.283
Chi phí bằng tiền khác	10.583.438.536	9.572.936.515
<b>Tổng</b>	<b>98.829.081.738</b>	<b>78.430.312.810</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền phạt hợp đồng, phí chuyển nhượng căn hộ	9.796.255.311	3.945.179.895
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	402.300.000	45.454.545
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.889.290.117	1.611.509.314
<b>Tổng</b>	<b>12.087.845.428</b>	<b>5.602.143.754</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi bồi thường hợp đồng	722.166.782	1.616.518.820
Phí phạt trả nợ vay Ngân hàng trước hạn		1.472.510.871
Thuế bị phạt, bị truy thu	332.703.289	1.537.484.712
Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	365.050.000	
Chi phí khác	2.427.850.669	902.719.062
<b>Tổng</b>	<b>3.847.770.740</b>	<b>5.529.233.465</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>8.240.074.688</b>	<b>72.910.289</b>

#### 7. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>57.167.632.477</b>	<b>24.178.014.148</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>57.167.632.477</b>	<b>24.178.014.148</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	35.400.000	35.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.615</b>	<b>683</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Trần Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Duy Hưng